THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 40/2026/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp để thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 57/2026/NĐ-CP của Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp để thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định Tiêu chí phân loại doanh nghiệp theo danh mục ngành, lĩnh vực và khung tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Tiêu chí phân loại) làm cơ sở xây dựng kế hoạch để sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo hướng giữ nguyên tỷ lệ vốn nhà nước đang nắm giữ tại doanh nghiệp hoặc thực hiện các hình thức cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

Công ty nông, lâm nghiệp; doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định khác của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đại diện chủ sở hữu trực tiếp.

2. Doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng, trừ Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.

3. Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 3. Tiêu chí phân loại

1. Tiêu chí phân loại theo ngành, lĩnh vực đối với doanh nghiệp nhà nước và khung tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp để thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp được ban hành tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành, lĩnh vực không thuộc Tiêu chí phân loại quy định tại khoản 1 Điều này thì sử dụng một trong các tiêu chí sau để thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 4:

a) Sản xuất xi măng chiếm thị phần từ 30% trở lên, trong đó có khai thác các mỏ nguyên liệu thuộc địa bàn trọng yếu về an ninh quốc phòng;

b) Các doanh nghiệp sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích có tỷ trọng doanh thu từ hoạt động công ích trên tổng doanh thu của doanh nghiệp 03 năm liên tiếp liền kề trước thời điểm thực hiện cơ cấu lại đạt từ 50% trở lên;

c) Các doanh nghiệp có giá trị văn hóa; giá trị lịch sử; giá trị kiến trúc; giá trị thương hiệu quốc gia; có vai trò quan trọng đối với quốc phòng, an ninh; thực hiện nhiệm vụ chính trị hoặc phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương trong từng thời kỳ;

d) Các doanh nghiệp thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải; chiếu sáng công cộng; trồng cây, chăm sóc và duy trì.

Điều 4. Thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo Tiêu chí phân loại

1. Tiêu chí phân loại làm căn cứ để phê duyệt kế hoạch và thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 57/2026/NĐ-CP), văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và quy định dưới đây:

a) Tiếp tục giữ nguyên tỷ lệ vốn nhà nước đang nắm giữ tại doanh nghiệp;

b) Thực hiện các hình thức cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 57/2026/NĐ-CP hoặc các hình thức khác làm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán.

2. Việc sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại khoản 1 Điều này bảo đảm tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp thuộc khung tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp như sau:

a) Đối với doanh nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực theo Tiêu chí phân loại quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này, khung tỷ lệ nhà nước nắm giữ vốn tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này;

b) Đối với doanh nghiệp không thuộc ngành, lĩnh vực theo Tiêu chí phân loại quy định tại khoản 1 Điều 3 và thuộc tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định này:

b1) Đối với doanh nghiệp do Nhà nước đang nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp bảo đảm trong khung tỷ lệ nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;

b2) Đối với doanh nghiệp do Nhà nước đang nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống thực hiện theo hướng chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp cho doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cùng ngành nghề theo quy định tại Nghị định số 57/2026/NĐ-CP để quản lý, đầu tư phát triển, thực hiện tái cơ cấu, bổ sung vốn hoặc thoái vốn theo quy định, bảo đảm hiệu quả.

c) Đối với doanh nghiệp có ngành, lĩnh vực không thuộc Tiêu chí phân loại quy định tại Điều 3 Quyết định này thì thực hiện các hình thức sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo hướng Nhà nước không tiếp tục nắm giữ vốn tại doanh nghiệp (trừ trường hợp thực hiện theo pháp luật chuyên ngành).

d) Cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với các trường hợp như sau:

d1) Sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác về khung tỷ lệ vốn nhà nước theo Tiêu chí phân loại quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này (trừ ngành, lĩnh vực khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch và thoát nước đô thị, nông thôn thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quyết định này);

d2) Nhà nước không tiếp tục nắm giữ trên 50% vốn điều lệ đối với doanh nghiệp quy định tại điểm b1 khoản 2 Điều này;

d3) Nhà nước tiếp tục nắm giữ vốn tại doanh nghiệp có ngành, lĩnh vực không thuộc Tiêu chí phân loại quy định tại Điều 3 Quyết định này (trừ trường hợp thực hiện theo pháp luật chuyên ngành).

đ) Đối với doanh nghiệp hoạt động trong nhiều ngành, lĩnh vực thì căn cứ vào ngành, lĩnh vực có tỷ trọng lớn nhất trong tổng sản lượng hoặc tổng doanh thu của 03 năm liên tiếp liền kề theo báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính hợp nhất (đối với doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con) trước thời điểm phê duyệt kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp để xác định khung tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ theo Tiêu chí phân loại.

Trường hợp tại thời điểm thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có sự thay đổi về tỷ trọng trong tổng sản lượng hoặc tổng doanh thu thì cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp cho phù hợp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp.

3. Kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn theo quy định tại Điều 101 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP gồm các nội dung sau:

a) Danh mục doanh nghiệp nhà nước tiếp tục giữ nguyên tỷ lệ vốn nhà nước đang nắm giữ tại doanh nghiệp;

b) Danh mục doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện các hình thức sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Trong đó xác định cụ thể: Hình thức sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ, thời gian hoàn thành đối với từng doanh nghiệp;

c) Các giải pháp tổ chức triển khai (nếu có) và trách nhiệm thực hiện;

d) Các nội dung khác do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định phù hợp với tình hình thực tế và kế hoạch thực hiện.

4. Việc phê duyệt kế hoạch và thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp bảo đảm phù hợp với chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, mục tiêu tăng cường hiệu quả kinh doanh và năng lực hoạt động sản xuất kinh doanh, cạnh tranh của doanh nghiệp, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, phòng, chống dàn trải, lãng phí, thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước, doanh nghiệp nhà nước.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, cơ quan đại diện chủ sở hữu đề xuất kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với doanh nghiệp quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 57/2026/NĐ-CP (trừ Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) và 03 Ngân hàng Thương mại cổ phần: Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Công Thương Việt Nam, Ngoại thương Việt Nam và gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Đối với Kế hoạch 05 năm cơ cấu vốn nhà nước tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam xây dựng phương án nâng tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ đảm bảo tối thiểu 65% vốn điều lệ.

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý và không thuộc khoản 1 Điều này để thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, gửi về Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi.

3. Trường hợp sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Quyết định này, cơ quan đại diện chủ sở hữu lấy ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành trước khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Phương án báo cáo Thủ tướng Chính phủ của cơ quan đại diện chủ sở hữu gồm các nội dung chủ yếu sau: nội dung đề xuất, cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn, dự kiến hiệu quả kinh tế, xã hội,... bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, pháp luật nhà nước và bám sát thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp; tài liệu thông tin về doanh nghiệp, báo cáo đánh giá thực trạng tài chính và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp 02 năm liền kề trước năm đề xuất.

Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành có ý kiến cụ thể, nêu rõ quan điểm đối với nội dung đề xuất của cơ quan đại diện chủ sở hữu, trường hợp không thống nhất thì phải nêu rõ lý do.

4. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 6. Trách nhiệm của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đề xuất cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

2. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (trừ công ty nông, lâm nghiệp) căn cứ Tiêu chí phân loại quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ để phê duyệt kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đầu tư vào doanh nghiệp khác theo quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Quyết định này, bảo đảm tỷ lệ vốn của doanh nghiệp đầu tư tại doanh nghiệp khác thuộc khung tỷ lệ tương ứng quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Đối với doanh nghiệp có vốn góp của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ không thuộc Tiêu chí phân loại quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty căn cứ tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 3 để xem xét, quyết định tỷ lệ vốn nắm giữ hoặc không nắm giữ tại các doanh nghiệp này.

3. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xem xét, quyết định tỷ lệ nắm giữ hoặc không nắm giữ vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đầu tư tại doanh nghiệp khác có ngành, lĩnh vực không thuộc Tiêu chí phân loại quy định tại Điều 3 Quyết định này theo một trong các nguyên tắc sau:

a) Phục vụ trực tiếp ngành, lĩnh vực kinh doanh hoặc trong chuỗi giá trị thuộc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Hoạt động kinh doanh hiệu quả, có vai trò quan trọng hoặc cần thiết cho sự phát triển của các doanh nghiệp trong mô hình công ty mẹ - công ty con.

4. Đối với doanh nghiệp có vốn góp của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có ngành, lĩnh vực không thuộc Tiêu chí phân loại quy định tại Điều 3 và khoản 3 Điều này, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định thực hiện các hình thức cơ cấu lại vốn tại các doanh nghiệp này theo hướng không nắm giữ cổ phần, vốn góp tại thời điểm phù hợp, đảm bảo lợi ích hợp pháp, tối đa của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 7. Trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

1. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đề xuất cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

2. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

a) Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đề xuất cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này;

b) Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp báo cáo xin ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị, cuộc họp Hội đồng thành viên về kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ đầu tư tại doanh nghiệp khác trong đó:

b1) Hình thức sắp xếp, cơ cấu lại vốn, nội dung kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Quyết định này;

b2) Việc xác định tỷ lệ nắm giữ vốn tại doanh nghiệp có vốn góp của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 6 Quyết định này.

Điều 8. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp trên cơ sở đề xuất của cơ quan đại diện chủ sở hữu và ý kiến của các cơ quan đối với các doanh nghiệp quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 57/2026/NĐ-CP (trừ Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) và 03 Ngân hàng Thương mại cổ phần: Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Công Thương Việt Nam, Ngoại thương Việt Nam, cụ thể:

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này, Bộ Tài chính tổng hợp, gửi lấy ý kiến các Bộ: Nội vụ, Tư pháp và Bộ quản lý ngành.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị tham gia ý kiến của Bộ Tài chính, các Bộ: Nội vụ, Tư pháp và Bộ quản lý ngành có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản và gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ ý kiến tham gia.

2. Tổng hợp báo cáo về việc ban hành kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý IV năm 2026 đối với giai đoạn 2026-2030 và trong quý II năm đầu tiên của giai đoạn tiếp theo.

Thực hiện rà soát và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Tiêu chí phân loại phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu bảo đảm phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn.

3. Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và giám sát các Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế và tổng công ty phê duyệt kế hoạch và thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Quyết định này.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc Tiêu chí phân loại tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này đã hoàn thành việc sắp xếp, cơ cấu lại vốn theo quy định của pháp luật và quyết định của cấp có thẩm quyền trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác đang thấp hơn khung tỷ lệ quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này thì cấp có thẩm quyền quyết định việc duy trì tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư

tại doanh nghiệp khác đang nắm giữ hoặc đầu tư bổ sung vốn đối với các ngành, lĩnh vực được phép đầu tư bổ sung vốn theo quy định tại Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) để bảo đảm tỷ lệ nắm giữ theo khung tỷ lệ quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này (trừ trường hợp Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc pháp luật chuyên ngành quy định khác).

2. Đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành, lĩnh vực khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch và thoát nước đô thị, nông thôn đang hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thì cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định tiếp tục duy trì là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo Tiêu chí phân loại trên cơ sở đề xuất của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, phù hợp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 10. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2026.

2. Trước ngày 31 tháng 01 hằng năm, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm gửi báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại Quyết định này đến Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm:

a) Phê duyệt lại kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác theo từng giai đoạn và hoàn thành trong quý I năm đầu tiên của giai đoạn 05 năm từ năm 2031 trở đi.

b) Trong quý I năm đầu tiên của giai đoạn 05 năm từ năm 2031 trở đi, cơ quan đại diện chủ sở hữu đề xuất kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với doanh nghiệp quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 57/2026/NĐ-CP (trừ Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) và 03 Ngân hàng Thương mại cổ phần: Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Công Thương Việt Nam, Ngoại thương Việt Nam và gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 4 để xem xét, phê duyệt.

4. Trong chức năng, nhiệm vụ được phân công, các Bộ có trách nhiệm chủ động sửa đổi hoặc đề xuất với cơ quan có thẩm quyền sửa đổi các quy định có liên quan nhằm giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quyết định này.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và doanh nghiệp nhà nước, người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Văn Thắng

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư, Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Cục, Vụ, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (... b).

Phụ lục

TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI THEO NGÀNH, LĨNH VỰC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ KHUNG TỶ LỆ VỐN NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ TẠI DOANH NGHIỆP ĐỂ THỰC HIỆN SẮP XẾP, CƠ CẤU LẠI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2026/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

I. NHỮNG DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC SAU:

1. Doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực độc quyền tự nhiên quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp hoạt động trong ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 4 và khoản 6 Điều 6 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

4. Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao hoặc có dự án đầu tư với quy mô vốn đầu tư tối thiểu 12.000 tỷ đồng; doanh nghiệp sản xuất thuốc lá điếu; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

5. Doanh nghiệp hoạt động tại những địa bàn trọng yếu về quốc phòng, an ninh:

a) Cung ứng sản phẩm dịch vụ hậu cần nghề cá, quản lý vận hành trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá tại các đảo, vị trí trọng yếu, địa bàn chiến lược;

b) Theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

6. Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực then chốt, thiết yếu của nền kinh tế:

a) Năng lượng; lương thực; khai thác, chế biến khoáng sản chiến lược; hóa chất cơ bản;

b) Xây dựng, phát triển và vận hành hạ tầng dữ liệu, hạ tầng số chuyên ngành, quốc gia, nền tảng nội dung số quốc gia, bảo đảm chủ quyền quốc gia trên nền tảng số, chủ quyền an ninh dữ liệu quốc gia;

c) Xây dựng và phát triển nền tảng số, sản xuất phim khoa học, thời sự, nội dung trên môi trường số phục vụ nhiệm vụ tuyên truyền, thông tin đối ngoại và nhiệm vụ an ninh tư tưởng, văn hóa, dân tộc;

d) Các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu, phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước về các đột phá chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ.

II. NHỮNG DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN SẮP XẾP, CƠ CẤU LẠI VỐN, NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ TỪ 65% VỐN ĐIỀU LỆ TRỞ LÊN, HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC SAU:

1. Quản lý khai thác các cảng hàng không, sân bay; dịch vụ khai thác khu bay; dịch vụ thông tin dẫn đường, giám sát, dịch vụ khí tượng hàng không; vận chuyển hàng không.

2. Quản lý, khai thác các bến cảng tại cảng biển đặc biệt theo quy định về phân loại cảng biển Việt Nam.

3. Khai thác khoáng sản quy mô lớn theo quy định hiện hành về phân loại quy mô mỏ khoáng hoặc theo tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền quy định.

4. Sản xuất phim hoạt hình phục vụ thiếu nhi do Nhà nước đặt hàng hoặc tài trợ.

5. Tài chính, ngân hàng (không bao gồm, bảo hiểm, chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam).

6. Cơ khí chế tạo; sản xuất, kinh doanh phân bón, phân bón chứa lân.

7. Những doanh nghiệp đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho phát triển sản xuất và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc ở miền núi, vùng sâu, vùng xa; khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch và thoát nước đô thị, nông thôn.

III. NHỮNG DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN SẮP XẾP, CƠ CẤU LẠI VỐN, NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ TRÊN 50% ĐẾN DƯỚI 65% VỐN ĐIỀU LỆ, HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC SAU:

1. Đầu mối nhập khẩu xăng dầu chiếm thị phần từ 30% trở lên, có vai trò đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, bình ổn thị trường.

2. Cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng có tầm quan trọng đặc biệt đối với hoạt động của toàn bộ cơ sở hạ tầng viễn thông quốc gia và ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Tìm kiếm, thăm do, đánh giá trữ lượng các loại khoáng sản (trừ dầu khí)./.